

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 01 - 2023

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thêu.

2. Bà Bùi Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Q - sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn M1, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: thôn V2, xã D, huyện V1, tỉnh Thái Bình; Căn cước công dân số ZZZZZZZZZZZZ do Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Bị đơn: Anh Phạm Duy M - sinh năm 1985; Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn M1, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ hiện nay: 4 - 43 M2, thành phố K, tỉnh K, Nhật Bản; Căn cước công dân số ZZZZZZZZZZZZ do Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 24 tháng 6 năm 2016.

(Chị Q, anh M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2022 và Bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng thì chị Phan Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung với anh Phạm Duy M và trình bày cụ thể như sau:

Chị Q và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/11/2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn. Chính vì vậy, năm 2016 anh M sang Nhật Bản làm việc. Tháng 11/2019, anh M có về Việt Nam nhưng do trong thời gian làm việc tại Nhật Bản, anh M đã có tình cảm với người khác nên khi về nước, anh M không còn quan tâm tới vợ con. Anh M và chị Q tuy sống với nhau nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà xảy ra mâu thuẫn thường xuyên hơn. Chị Q đã đưa con thứ 2 là cháu Phạm Minh A về nhà bố mẹ đẻ của chị Q và sinh sống ở đó cho đến nay. Ngày 02/9/2020, anh M tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản. Từ đó đến nay anh M chưa trở về Việt Nam, anh M và chị Q không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị Q và anh M có 02 con chung là Phạm Duy Chấn P, sinh ngày 02/4/2014 và Phạm Minh A, sinh ngày 04/10/2016. Hiện con P đang sống cùng ông bà nội là ông Phạm Duy M3 và bà Nguyễn Thị S tại thôn M1, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình, con Minh A đang sống cùng chị Q. Ly hôn, chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con Minh A, yêu cầu Tòa án giao con P cho anh M nuôi dưỡng. Chị Q và anh M không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q và anh M không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

***/ Tại bản tự khai của anh Phạm Duy M gửi về Tòa án, anh M trình bày:**

Anh M xác nhận việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị Q như chị Q đã trình bày. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, tháng 11 năm 2016, anh M sang Nhật Bản lao động. Trong thời gian anh M ở nước ngoài, chị Q và anh M đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng tính cách, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Trong cuộc sống tại Việt Nam, chị Q và mẹ đẻ anh M cũng thường xuyên xảy ra bất hòa. Đến tháng 11/2019, anh M về nước nhưng vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không những không được cải thiện mà còn trở nên mâu thuẫn căng thẳng hơn. Chị Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống cho đến nay. Tháng 9/2020, anh M tiếp tục sang Nhật Bản làm việc, hai anh chị từ đó không liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Anh M xác định vợ chồng không có hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên anh M đề nghị Tòa án xử cho anh ly hôn với chị Q.

Về con chung: Anh và chị Q có hai con chung như chị Q trình bày. Anh đồng ý để chị Q trực tiếp nuôi dưỡng con Minh A và anh nuôi dưỡng con P. Vì hiện anh M đang ở nước ngoài, không có điều kiện chăm sóc con nên bố mẹ đẻ anh là ông Phạm Duy M3 và bà Nguyễn Thị S sẽ giúp anh chăm sóc con P. Anh

đề nghị Tòa án ghi ý kiến của ông M3, bà S về việc này. Nếu ông M3 và bà S không đồng ý trực tiếp chăm sóc con P giúp anh, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị Q nuôi dưỡng, anh sẽ chu cấp nuôi hai con với mức 1.500.000 đồng/con/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M và chị Q không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Anh M đề nghị Tòa án gửi các văn bản, giấy tờ trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Q và anh cho mẹ đẻ của anh là bà Nguyễn Thị S, nơi cư trú: thôn M1, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình nhận thay anh.

***/ Cháu Phạm Duy Chấn P, sinh ngày 02/4/2014 (là con anh M. Chị Q) trình bày** nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống cùng với bố, trong thời gian bố cháu làm việc ở nước ngoài, cháu sẽ tiếp tục sống cùng ông bà nội.

***/ Ông Phạm Duy M3, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958, nơi cư trú: thôn M1, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình (bố mẹ đẻ của anh Phạm Duy M) trình bày:**

Anh Phạm Duy M và chị Phan Thị Q kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/11/2011. Sau khi kết hôn, chị Q, anh M sống cùng gia đình ông M3, bà S tại thôn M1, xã V, huyện V1. Tháng 11 năm 2016, anh Phạm Duy M đi lao động tại Nhật Bản. Trong thời gian anh M đi lao động tại Nhật Bản, giữa anh M và chị Q có xảy ra mâu thuẫn. Tháng 11 năm 2019, anh M có trở về Việt Nam nhưng hai vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra cãi vã. Sau đó, chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Việc anh M và chị Q ly hôn vợ chồng ông, bà không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh M và chị Q có hai con chung là cháu Phạm Duy Chấn P sinh ngày 02/4/2014 và cháu Phạm Minh A sinh ngày 04/10/2016. Hiện nay cháu P đang sống cùng hai vợ chồng ông M3, bà S, cháu Minh A đang sống cùng chị Q. Nếu anh M và chị Q ly hôn, ông M3, bà S đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P giúp anh M cho đến khi anh M về Việt Nam.

Anh M và chị Q không vay nợ vợ chồng ông M3, bà S và cũng không đóng góp tài sản gì với vợ chồng ông bà.

Do anh M đang ở Nhật Bản nên ông bà đồng ý nhận thay anh M các văn bản, giấy tờ của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình liên quan đến việc ly hôn của chị Q và anh M, ông bà sẽ có trách nhiệm thông báo ngay cho anh M các văn bản đó khi nhận được.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý và quá trình xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Phan Thị Q được ly hôn anh Phạm Duy M. Về quan hệ con chung: Đề nghị xử giao con chung Phạm Duy Chấn P, sinh ngày 02/4/2014 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng và con chung Phạm Minh A, sinh ngày 04/10/2016 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết. Chị Q phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án chị Phan Thị Q xin ly hôn anh Phạm Duy M theo thủ tục chung, chị Q đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp bản tự khai, các chứng cứ chứng minh và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ; chị Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn - anh Phạm Duy M đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án, anh M đã gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q cho Tòa án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Q và anh Phạm Duy M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/11/2011, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian đầu chung sống hòa thuận, sau đó năm 2016, anh M đi làm việc ở Nhật Bản, hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống của anh chị không phù hợp. Đến tháng 11/2019, anh M về nước nhưng vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà còn trở nên mâu thuẫn càng thẳng thắn hơn. Chị Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Tháng 9/2020, anh M tiếp tục sang Nhật Bản làm việc, từ đó anh M và chị Q không liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Điều đó chứng tỏ anh chị đã không còn tình cảm với nhau và không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau trong cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn của chị Q và anh M đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, hôn

nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, xử cho chị Q ly hôn anh M là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Q và anh M có 02 con chung là Phạm Duy Chấn P, sinh ngày 02/4/2014 và Phạm Minh A, sinh ngày 04/10/2016. Từ năm 2019 con P do bố mẹ đẻ của anh M là ông Phạm Duy M3 và bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, con Minh A do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q, anh M thống nhất anh M nuôi dưỡng con P, chị Q nuôi dưỡng con Minh A; ông M3, bà S (bố mẹ đẻ anh M) nhất trí giúp anh M trực tiếp nuôi dạy con P trong thời gian anh M đi lao động ở nước ngoài. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần giao con P cho anh M nuôi dưỡng, con Minh A cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận việc anh M ủy quyền cho bố mẹ đẻ anh giúp anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con P trong thời gian anh M lao động ở nước ngoài. Chị Q, anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Q phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Q được ly hôn anh Phạm Duy M.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao con Phạm Duy Chấn P, sinh ngày 02/4/2014 cho anh Phạm Duy M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con Phạm Minh A, sinh ngày 04/10/2016 cho chị Phan Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh M ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Phạm Duy M3, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958, nơi cư trú: thôn M1, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Duy Chấn P đến khi anh M về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Chị Q, anh M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phan Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005401 ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Q, anh M. Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình